

Số: 1438/QĐ-UBND

Thị xã Kỳ Anh, ngày 22 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB
Dự án: Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng đoạn
qua xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Phần hành lang tuyến - đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành bộ "Đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã, tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ, cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản" khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thị xã Kỳ Anh;

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-TTg ngày 14/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và một số cơ chế đặc thù đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi và Dự án đường dây 500kV Đốc Sỏi - Pleiku 2;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-EVN ngày 05/01/2018 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD công trình Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng và SPP 500kV TTĐL Quảng Trạch;

Căn cứ Quyết định số 1485/QĐ-EVNNPT ngày 27/8/2018 của Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc phê duyệt TKKT - Tổng dự toán xây dựng công trình Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng và SPP 500kV TTĐL Quảng Trạch;



Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND thị xã Kỳ Anh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng đoạn qua thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Xét Tờ trình số 16/TTr-TTĐ ngày 21/4/2020 của Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC thị xã Kỳ Anh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng đoạn qua xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Phần hành lang tuyến - đợt 1) với các nội dung như sau:

1. Tổng số hộ và tổ chức được bồi thường, hỗ trợ: 28 hộ và 1 tổ chức.
2. Diện tích đất bồi thường: 33.136,1 m² đất nông nghiệp.
3. Tổng dự toán kinh phí thực hiện phương án BT-HT: **518.917.000 đồng.**
(Bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu, chín trăm mười bảy ngàn đồng)

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 518.417.000 đồng.
- Kinh phí thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ: 500.000 đồng.

(Có phụ lục phương án kèm theo)

4. Nguồn kinh phí: Trích từ nguồn kinh phí thực hiện dự án Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng và SPP 500kV TTĐL Quảng Trạch.

Điều 2. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, TĐC thị xã và UBND xã Kỳ Nam:

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, TĐC thị xã chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, sự phù hợp chính sách trong phương án bồi thường, hỗ trợ;

- UBND xã Kỳ Nam chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của các đối tượng bị ảnh hưởng;

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, TĐC thị xã phối hợp với UBND xã Kỳ Nam căn cứ vào phương án bồi thường, hỗ trợ được duyệt, tiến hành thông báo; niêm yết công khai Quyết định này theo quy định pháp luật và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ kịp thời cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, TĐC thị xã; UBND xã Kỳ Nam và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Sơn

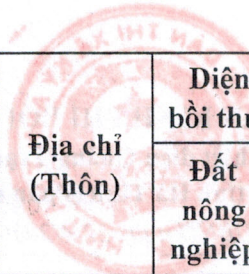
Phụ lục 1:

TỔNG HỢP DỰ TOÁN PHƯƠNG ÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GPMB

Dự án: Đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng đoạn
qua xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Phần hành lang tuyến - đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND thị xã Kỳ Anh)

TT	TT HS	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn)	Diện tích đất bồi thường (m ²)		Giá trị bồi thường, hỗ trợ (ĐVT: đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (ĐVT: đồng)
				Đất nông nghiệp	Cộng	Đất đai	Cây cối, hoa màu	
1	2	3	4	5	6=5	7	8	9=7+8
1	01	BÙI VĂN THUẬN (NÀN)	Quý Huệ	4279,6	4.279,6	8.858.800	33.068.100	41.926.900
2	04	NGUYỄN CHÍ THANH	Tân Thành	5735,1	5.735,1	11.871.700	41.344.800	53.216.500
3	05	NGUYỄN TIẾN NHẬT (TUYÊN)	Tân Thành	2619,4	2.619,4	5.422.200	21.930.700	27.352.900
4	06	NGUYỄN TIẾN RÁT (PHƠN)	Tân Thành	193,4	193,4	400.300	1.852.700	2.253.000
5	07	NGUYỄN QUỐC TRỊ (HÒA)	Tân Thành	1633,1	1.633,1	3.380.500	11.730.400	15.110.900
6	08	NGUYỄN TRUNG KIÊN (HIỀN)	Tân Tiến	1978,8	1.978,8	4.096.100	18.583.400	22.679.500
7	09	BÙI VĂN KHA (HIỀN)	Tân Thành	1947,2	1.947,2	4.030.700	14.376.000	18.406.700
8	10	NGUYỄN VĂN BÔNG	Tân Thành	1233,4	1.233,4	2.553.100	10.702.000	13.255.100
9	11	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG (BỬU)	Tân Thành	2063,8	2.063,8	4.272.100	13.172.600	17.444.700
10	12	NGUYỄN XUÂN LẠNG (TIẾN)	Tân Thành	1621,1	1.621,1	3.355.700	1.934.300	5.290.000
11	13	NGUYỄN VĂN NGHĨA (TÚY)	Tân Thành	2394,7	2.394,7	4.957.000	11.844.100	16.801.100
12	14	NGUYỄN TIẾN SỞ (TUY)	Tân Thành	124,1	124,1	256.900	1.437.200	1.694.100
13	15	BÙI VĂN KHƠN (THIỆN)	Tân Thành	1771,4	1.771,4	3.666.800	11.897.500	15.564.300
14	16	NGUYỄN XUÂN LINH (LƯU)	Tân Tiến	713,5	713,5	1.476.900	4.694.600	6.171.500
15	17	NGUYỄN TIẾN QUÁT (HƯỚNG)	Tân Thành	351,3	351,3	727.200	3.867.400	4.594.600
16	18	NGUYỄN THỊ NGA	Quý Huệ	126,8	126,8	262.500	1.312.800	1.575.300
17	19	VÕ VĂN GIÁP (THƯỜNG)	Quý Huệ	1041,4	1.041,4	2.155.700	9.822.800	11.978.500
18	20	MAI VĂN SỬU (LIÊN)	Quý Huệ	1252	1.252,0	2.591.600	8.882.900	11.474.500
19	21	MAI VĂN ĐẦY (ĐẶNG THỊ VÕ)	Quý Huệ	2016	2.016,0	4.173.100	20.240.700	24.413.800
20	22	BÙI HOA KHƯỚC (TRIỂN)	Tân Thành	40	40,0	82.800	20.204.100	20.286.900



TT	TT HS	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn)	Diện tích đất bồi thường (m ²)		Giá trị bồi thường, hỗ trợ (ĐVT: đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (ĐVT: đồng)
				Đất nông nghiệp	Cộng	Đất đai	Cây cối, hoa màu	
1	2	3	4	5	6=5	7	8	9=7+8
21	23	MAI VĂN VỞ (KHÔI)	Tân Thành	0,0	0,0	0	17.809.900	17.809.900
22	24	PHAN VĂN KHÁNH (DIỄN)	Tân Thành	0,0	0,0	0	49.123.400	49.123.400
23	25	NGUYỄN VĂN ĐỨC (NỤ)	Tân Thành	0,0	0,0	0	31.172.900	31.172.900
24	26	BÙI NHÂN SÂM (NỤ)	Tân Thành	0,0	0,0	0	4.220.000	4.220.000
25	27	NGUYỄN TIẾN BA	Tân Thành	0,0	0,0	0	8.618.500	8.618.500
26	28	NGUYỄN TIẾN MẢO (VIÊNG)	Tân Tiến	0,0	0,0	0	26.427.500	26.427.500
27	29	LÊ HỒNG PHONG	Tân Thành	0,0	0,0	0	337.200	337.200
28	30	ĐẶNG ĐÌNH PHÍCH (LAN)	Tân Thành	0,0	0,0	0	36.538.900	36.538.900
29	31	CỘNG ĐỒNG KHU DÂN CƯ MINH TÂN (ĐẠI DIỆN NGUYỄN VĂN SỬU)	Tân Thành	0,0	0,0	0	12.677.900	12.677.900
Tổng cộng				33.136,1	33.136,1	68.591.700	449.825.300	518.417.000

(Số tiền bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu, bốn trăm mười bảy ngàn đồng)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH